TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/DSPT
Ngày 05 - 7 - 2018
V/v " Kiện đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà

Bà Thái Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về "Kiện đòi lại tài sản".

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2017/DSST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2017/QĐPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

-*Ng đơn*: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1942; Cư trú tại: Số nhà 28, đường Tân Yên, khối X, phường Y, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn P: Ông Nguyễn T – Luật sư, Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1936. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Duy L1, sinh năm 1982 (Con ông L). Có mặt.

Đều cư trú tại: Tổ 7, khối X, phường Y, thành phố V, Nghệ An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Cư trú tại: Xóm 17, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Trọng G, sinh năm 1984; Cư trú tại: Khối X, phường Y, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Anh Lê Thế C, sinh năm 1972; Cư trú tại: 64/64 Quang Trung, phường 12, quận G, thành phố M. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Trọng G, anh Lê Thế C: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1942; Cư trú tại: Khối X, phường Y, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

4. Ông Hoàng Khắc Q, sinh năm 1959. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị P (Vợ ông Q). *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P*: Ông Hoàng Khắc Q; Cư trú tại: Khối X, phường Y, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Ủy quyền ngày 21/11/2013. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn P, Nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung: Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2010 và ngày 18/4/2011, bổ sung khởi kiện ngày 01/3/2017, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn P trình bày: Năm 1995, vợ ông P là bà Nguyễn Thị K cùng với ông Nguyễn Duy L cùng chung số tiền 60.000.000đ để mua của vợ chồng ông Hoàng Khắc Q và bà Nguyễn Thị P tại địa chỉ số nhà 21 đường Tân Yên, khối X, phường Y, thành phố V, tỉnh Nghệ An một mảnh đất có diện tích 105,75m^2. Việc mua bán diện tích đất giữa các bên chỉ lập bằng giấy viết tay chưa qua bất kỳ thủ tục gì tại phường và thành phố. Toàn bộ giấy tờ mua bán thửa đất đều do bà Trần Thị Ng (Vợ ông L) cất giữ, năm 2003 thì bà Trần Thị Ng qua đời.

Quá trình vợ chồng ông L, ông Q, bà P làm thủ tục chuyển nhượng và cấp bìa đỏ mang tên anh Nguyễn Duy L1 con ông L thì vợ chồng ông P không biết. Vì thửa đất nói trên là do vợ ông P mua chung với ông L. Cuối năm 2006 vợ ông P (Bà K) có mời ông Nguyễn Duy L sang nhà để bàn việc giải quyết thửa đất nhưng ông L nói rằng giấy tờ mua bán đất giữa hai bà (BàNg, bà K) do con trai ông cất giữ nên chưa thể giải quyết được, cuộc trao đổi này ông P đã ghi âm.

Ngày 26/9/2009 vợ ông P (Nguyễn Thị K) qua đời, sau khi lo chôn cất vợ xong. Ông P sang nhà ông L để bàn chuyện giải quyết quyền lợi chung tại thửa đất nói trên thì bị ông L thẳng thừng từ chối.

Vì quen biết một số cán bộ tỉnh và thành phố nên vào ngày 25/10/2009 ông P biết được thông tin thửa đất nói trên đã được ông Hoàng Khắc Q chuyển quyền sử dụng cho con trai của ông Nguyễn Duy L là Nguyễn Duy L1 từ năm 2002 với giá chuyển nhượng là 25.000.000đ. Hiện nay, thửa đất này đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Duy L1. Hơn nữa ông L và anh L1 còn bất chấp pháp luật để xây một dãy nhà trọ cho thuê, mặc dù đã bị UBND phường Y nghiêm cấm xây dựng và bị đội trật tự đô thị phường xử lý đình chỉ thi công. Bản thân ông P khi phát hiện sự việc ông L và anh L1 xây móng và làm nhà cũng có văn bản gửi lên phường và thành phố để yêu cầu ông L, anh L1 dừng việc xây dựng nhưng ông L và anh L1 vẫn bất chấp pháp luật và bất chấp yêu cầu chính đáng của ông P.

Ông P thấy đây là một sự vi phạm nghiêm trọng về đạo lý con người, xem thường những người đã khuất vì công sức của vợ ông P bỏ ra, xem thường pháp luật và có thái độ thách thức chính quyền các cấp.

Theo ông P được biết thì anh Nguyễn Duy L1 đưa cho ông Hoàng Khắc Q 25.000.000đ để hợp thức hóa thửa đất nói trên, vì giá bán năm 2002 đối với thửa đất nói trên không thể có giá rẻ như thế được.

Xét thấy hành vi trên của ông L là không đúng nên ngày 26/11/2009 ông P đã viết đơn tố cáo việc làm trái đạo đức và trái pháp luật của các ông: Nguyễn Duy L và ông Hoàng Khắc Q ra UBND thành phố Vinh và ngày 14/12/2009 UBND thành phố Vinh đã có công văn số 3631/UBND-TTr giao cho UBND phường Hưng Bình xem xét giải quyết đơn của ông P. Ngày 22/12/2009 UBND phường Hưng Bình đã có biên bản xác minh sự việc ông P tố cáo, trong buổi làm việc này ông Nguyễn Duy L đã thừa nhận có việc mua chung thửa đất nói trên với bà Nguyễn Thị K. Ngày 27/12/2009 ông P nhận được báo cáo số 107/BC-UBND của UBND phường Y và ngày 28/4/2010 ông P nhận được Văn bản trả lời số 1245/UBND –TTr của UBND thành phố. Những văn bản nêu trên của cơ quan có thẩm quyền xác định, vợ ông P (Nguyễn Thị K) có mua chung thửa đất với vợ chồng ông Nguyễn Duy L.

Vì lý do ông P viết đơn tố cáo nên ông Nguyễn Duy L đã đưa ra một giấy khất nợ của vợ ông P (có gửi kèm theo đơn khởi kiện giấy khất nợ) để cho rằng vợ ông P đã gạt nợ thửa đất nói trên, nhưng không có câu từ nào thể hiện việc vợ ông P gạt nợ cho bà Ng trong việc mua đất. Vợ ông P nói trong giấy khất nợ rằng "Tôi đã có vay của bà Nguyễn Thị N cùng khối số tiền là 158.000.000đ và 17 tờ đô loại 100, đến

tháng 6/1997 tôi đã trả cho bà Ng 90.600.000đ vậy từ ngày 31/8/1997 tôi còn nợ bà Ng số tiền 67.000.000đ và 17 tờ đô loại 100".

Như vậy những con số vay mượn trừ đi những số đã trả thì hoàn toàn chính xác chứ không hề có chuyện gạt nợ: 158.000.000đ – 90.600.000đ = 67.400.000đ. Nếu vợ ông P đã trừ nợ thì chỉ còn lại 37.400.000đ chứ không phải 67.000.000đ. Từ những L1 do nói trên, ông P làm đơn này khởi kiện ông Nguyễn Duy L ra Tòa án nhân dân thành phố V và yêu cầu: Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất bị chiếm đoạt, buộc gia đình ông Nguyễn Duy L và ông Nguyễn Duy L1 phải chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và bổ sung yêu cầu đề nghị Tòa án hủy quyết định cấp GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho ông Nguyễn Duy L1. Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông P cho rằng: Theo đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đề nghị hủy quyết định cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Duy L1, đối với yêu cầu này, căn cứ vào các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V chuyển vụ án đến TAND tỉnh Nghệ An giải quyết theo thẩm quyền.

Ông Nguyễn Duy L và anh Nguyễn Duy L1 thống nhất trình bày: Năm 1995 bà Nguyễn Thị K (Vợ ông Nguyễn Văn P) có nợ vợ chồng Nguyễn Duy L và bà Trần Thị Ng 158 triệu đồng và 17 tờ 100 đôla. Đến tháng 3/1995 vợ chồng ông L, bà Ng có chung tiền với bà Nguyễn Thị K mua một mảnh đất có diện tích 105m^2 tại khối X, phường Y, thành phố V, tỉnh Nghệ An của vợ chồng ông Hoàng Khắc Q và bà Nguyễn Thị P với giá 60.000.000đ (Mỗi bên chung 30.000.000đ). Khi mua thì giữa vợ chồng ông L, bà K và vợ chồng ông Q, bà P có lập giấy mua bán đất viết tay nhưng không qua chính quyền địa P xác nhận (Giấy mua bán đất viết tay được lập thành 3 bản: Bà K giữ 1 bản; bà Ng giữ 1 bản; ông Q bà P giữ 1 bản). Giấy mua bán đất viết tay chỉ có chữ ký của bên bán là vợ chồng ông Q bà P; bên mua là bà Nguyễn Thị K và Nguyễn Duy L, không có chữ ký của bàNg và ông P.

Sau khi viết giấy mua bán đất viết tay thì các bên đều chưa đến cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục cấp bìa đứng tên bà K và vợ chồng ông L, vì thửa đất của ông Q năm 1995 chưa được cấp bìa đỏ.

Đến tháng 6/1997 bà K thanh toán cho vợ chồng ông L được 90.600.000đ trong đó: Có 60.600.000đ bà K trả bằng tiền mặt và tiền vật liệu xây dựng và 30.000.000đ bà K trả bằng ½ thửa đất có diện tích 105m^2 tại Khối X, phường Y, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Thửa đất bà K và vợ chồng ông L cùng chung tiền mua). Như vậy bà K đã gạt nợ trả số nợ trên bằng ½ thửa đất đã chung tiền mua. Bà K hẹn 15 ngày sau bà K sẽ trả hết khoản nợ còn lại là 67.400.000đ và 1.700 USD, nhưng

đến ngày 31/8/1997 bà K không có khả năng trả nợ nên đã viết giấy khất nợ. Khi bà K viết giấy khất nợ thì bà K tự hủy bản gốc giấy mua bán đất của bà K cất giữ trước mặt ông L. Hiện tại giấy mua bán đất bản gốc chỉ có ông Q và ông L cất giữ, nên ông P chồng bà K khởi kiện không có tài liệu gốc để cung cấp cho Tòa án.

Với L1 do bà K đã trả nợ bằng ½ trị giá thửa đất mà vợ chồng ông L đã chung tiền mua nên thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông L. Do đó đến năm 2004 thì ông L đã tiến hành các thủ tục để cấp bìa đỏ đứng tên con trai ông L là Nguyễn Duy L1. Căn cứ vào giấy khất nợ của bà K viết, ông L đã xuất trình cho vợ chồng ông Q, bà P biết và nhờ vợ chồng ông Q bà P ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên sang tên cho con trai ông L là anh Nguyễn Duy L1 và thửa đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp GCNQSDĐ mang tên anh Nguyễn Duy L1.

Từ những trình bày trên thì gia đình ông P không còn quyền lợi gì trên mảnh đất mua chung nên việc ông P khởi kiện là không có căn cứ, nên ông L, ông L1 không đồng ý.

Ông L cho rằng việc bà K trả nợ bằng việc gán nợ trị giá ½ thửa đất trong giấy khất nợ đã rõ ràng nên ông L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P. Nếu ông P có căn cứ chứng minh thửa đất trên là tài sản chung của bà K và vợ chồng ông L, bà Ng thì ông L có trách nhiệm trích chia trị giá ½ thửa đất trên cho ông P và những người thừa K của bà K theo trị giá thửa đất tại Biên bản định giá ngày 05/7/2013.

Ông Hoàng Khắc Q và là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P (Vợ ông Q) trình bày: Trong thời gian gia đình khó khăn, nên ngày 18/3/1995 gia đình ông Q đã bán cho ông Nguyễn Duy L và bà Nguyễn Thị K 01 mảnh đất giá 60.000.000đ, việc nhượng đất được làm thành văn bản, có vẽ sơ đồ nhưng chưa qua chính quyền địa P xác nhận. Sau khi có chủ trương cấp bìa đỏ, ông L sang gặp gia đình ông Q nhờ làm thủ tục chuyển nhượng diện tích đất, ông Q hỏi giữa ông L với bà K đã giải quyết chưa, lúc đó ông L nói đã giải quyết xong rồi. Do kém hiểu biết nên gia đình ông Q đã nghe theo lời ông L làm thủ tục chuyển nhượng cho con trai ông L là Nguyễn Duy L1 và ngày 18/6/2004 anh L1 đã được UBND thành phố V cấp GCNQSDĐ, diện tích 53,30m^2, tờ bản đồ 22, thửa 62 tại Khối X, phường Y, thành phố V. Và ông Q khẳng định việc gia đình ông Q đã bán diện tích đất trên cho ông Nguyễn Duy L và bà Nguyễn Thị K là đúng, còn việc tranh chấp giữa ông P và bố con ông L vợ chồng ông Q không liên quan gì.

Tại bản án sơ thẩm số 12/2017/DSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An quyết định: Căn cứ vào Bộ luật dân sự 1995; Điều 26, 34, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật tố tụng hành chính; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc yêu cầu ông Nguyễn Duy L, ông Nguyễn Duy L1 phải trả lại tài sản cho gia đình ông Nguyễn Văn P một nửa quyền sử dụng đất hoặc một nửa giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 22, đất đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD Đ số DD336427 ngày 18/6/2004 mang tên Nguyễn Duy L1, địa chỉ thửa đất khối X, phường Y, thành phố V, Nghệ An.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ của người phải thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 6 năm 2017 ông Nguyễn Văn P kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng; ông P yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất thuộc trường hợp người khởi kiện không có quyền khởi kiện nên không xem xét là không đúng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng các qui định của pháp luật để làm sáng tỏ sự thật khách quan, bản chất vụ việc. Đề nghị cấp phúc thẩm Hủy bản án sơ thẩm số 12/2017/DSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn P giữ nguyên đơn kháng cáo và bổ sung nếu không có căn cứ hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Duy L phải trích chia cho ông P và các đồng thừa K của bà K ½ trị giá thửa đất theo giá hiện hành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm vợ chồng ông L, bà Ng có 04 người con, bà Ng đã chết, nhưng cấp sơ thẩm không đưa các con ông L tham gia tố tụng với tư cách người L quan là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của họ; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn P, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết

quả tranh luận và ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông L nại, ông P không có quyền khởi kiện thấy rằng; bà Nguyễn Thị K là vợ của ông P, nay bà K chết không để lại di chúc. Ông P và các con của bà K thuộc hàng thừa kế thứ nhất là những người có quyền kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà K để lại. Do đó ông P có quyền khởi kiện, Tòa án thụ L1 giải quyết tranh chấp là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Ông L còn nại, ngày 05/6/2017 ông P mới nộp đơn kháng cáo, thấy rằng; căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án (Bl, 283) thì ngày 01/6/2017 Tòa án nhân dân thành phố Vinh đã nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn P và cấp sơ thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của ông P là hợp lệ và tiến hành các thủ tục cần thiết chuyển cấp phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Đối với yêu cầu Hủy giấy CNQSD đất ngày 18/6/2004 của UBND thành phố Vinh cấp cho anh Nguyễn Duy L1 của ông Nguyễn Văn P, thấy rằng; Kể từ khi tranh chấp xảy ra, quá trình giải quyết tranh chấp từ cơ sở năm 2009 đến việc khởi kiện ra Tòa án năm 2011 ông Nguyễn Văn P chỉ yêu cầu được chia ½ diện tích đất hoặc ½ trị giá quyền sử dụng đất mà ông P cho rằng vợ ông (bà K) đã mua chung cùng ông L ngày 18/3/1995. Trong quá trình giải quyết tranh chấp Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần tổ chức công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ngày 01/3/2017 ông Nguyễn Văn P mới bổ sung khởi kiện yêu cầu Hủy giấy CNQSD đất. Hơn nữa theo Thông báo số 01/2017/TB-TA ngày 27/3/2017 (Bl,232) cấp sơ thẩm đã trả lại đơn khởi kiện bổ sung của ông P, ông P đã nhận được Thông báo trả lại đơn khởi kiện ngày 27/3/2017 (Bl,133) và không có khiếu nại gì, nên cấp sơ thẩm không xem xét là có cơ sở.

Đối với yêu cầu ½ trị giá thửa đất, xét thấy: Do là người cùng khối và có quan hệ giao dịch vay nợ với nhau, nên ngày 18/3/1995 bà Nguyễn Thị K (Vợ ông Nguyễn Văn P) cùng với ông Nguyễn Duy L chung nhau mua của vợ chồng ông Hoàng Khắc Q, bà Nguyễn Thị P (Người cùng khối) một phần đất diện tích 105,75m^2 tại khối X, phường Y với giá 60 triệu đồng. Hai bên mua bán lập giấy viết tay và vẽ sơ đồ phần đất bán, các bên ký đầy đủ nhưng không thông qua chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Duy L cho rằng, diện tích đất mà ông L và bà K (Vợ ông P) làm giấy mua chung vào thánh 3 năm 1995, nhưng tháng 6/1997 bà K vợ ông P đã thanh toán nợ (Gán nợ) cho bàNg vợ ông L 90.600.000đ, trong đó có 60.600.000đ tiền mặt và tiền vật liệu xây dựng, 30.000.000đ bà K trả ½ trị

giá thửa đất mua chung. Thấy rằng, tại Giấy khất nợ không ngày tháng năm do bà Nguyễn Thị K vợ ông P viết (Bl, 40) có nội dung: "Tôi đã vay của bà Nguyễn Thị N cùng khối số tiền là 158.000.000đ và 17 tờ đô loại 100. Đến tháng 6/1997 tôi đã trả cho bà Ng là 90.600.000đ. Trong đó tôi có mua chung với bàNg miếng đất 60.000.000đ, mỗi người 30.000.000đ, vậy từ ngày 31/8/97 tôi còn nợ bàNg số tiền là 67.400.000đ và 17 tờ đô loại 100. Số tiền trên còn nợ tôi cam kết tôi sẽ trả nhưng chờ tôi lấy được nợ và khi tôi làm ăn được trả dần". Như vậy tại giấy khất nợ bà K vợ ông P xác định; Trong số 90.600.000đ bà K trả nợ cho bà Ng vợ ông L có 30.000.000đ tiền mua chung ½ thửa đất và 60.600.000đ tiền vật liệu xây dựng và tiền mặt chứ không có nội dung bà K gạt nợ ½ trị giá thửa đất 30 triệu đồng trong giấy khất nợ này; Tại kết luận giám định số 331 ngày 17/12/2012 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an: Tiếng nói trong băng ghi âm do ông Nguyễn Văn P cung cấp, cuộc đối thoại giữa hai người nam, nữ. Theo kết luận thì, giọng nam là ông Nguyễn Duy L, còn giọng người nữ không xác định, nhưng ông P cho rằng là giọng của bà K vợ ông đối thoại với ông L năm 2006 có nội dung, bà K không thống nhất trả nợ bằng ½ thửa đất đã mua chung năm 1995. Hơn nữa tại các Bản tự khai ngày 21/02/2012 của ông Trần Ngọc Hiếu, sinh năm 1945 (Bl,144); bà Ngô Thị Hiên, sinh năm 1948 (Bl,145) và ông Nguyễn Thế Uy, sinh năm 1948 (Bl,146) là những người cùng nơi cư trú với bà K vợ ông P đều xác định; năm 1995 bà Nguyễn Thị K vay họ tiền chưa có trả nên năm 2003 mọi người tổ chức cuộc họp những người cho bà K vay tiền, bà K đã hứa bà K có miếng đất mua chung với ông L khi nào bán được sẽ trả nợ cho họ. Và tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Duy L cũng xác định ông L đã được xem kết luận giám định về giọng nói trong băng ghi âm và thừa nhận giọng nói trong băng ghi âm là của ông L.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Duy L tại cơ sở từ năm 2009, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm vợ chồng ông Hoàng Khắc Q đều khẳng định: Ngày 18/3/1995 gia đình ông Q đã bán cho ông Nguyễn Duy L và bà Nguyễn Thị K 01 phần đất giá 60.000.000đ, việc nhượng đất được làm thành văn bản, có vẽ sơ đồ nhưng chưa qua chính quyền địa P xác nhận. Sau khi có chủ trương cấp bìa đỏ, ông L sang gặp gia đình ông Q nhờ làm thủ tục chuyển nhượng diện tích đất, ông Q hỏi, giữa ông L với bà K mua chung đã giải quyết chưa, lúc đó ông L nói đã giải quyết xong rồi. Do kém hiểu biết nên gia đình ông Q đã nghe theo lời ông L làm thủ tục chuyển nhượng cho con trai ông L là anh Nguyễn Duy L1. Và ông Q khẳng định việc gia đình ông Q đã bán diện tích đất trên cho ông Nguyễn Duy L và bà Nguyễn Thị K là đúng, còn việc tranh chấp giữa ông P và bố con ông L vợ chồng ông Q không L quan gì. Hơn nữa, trong quá trình

giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông Nguyễn Duy L cũng cho rằng, nếu có căn cứ khẳng định diện tích thửa đất là tài sản chung của bà K với ông L thì ông Nguyễn Duy L có trách nhiệm trích chia ½ trị giá thửa đất cho các đồng thừa K của bà Nguyễn Thị K theo trị giá Hội đồng định giá. Vì vậy, ông Nguyễn Duy L cho rằng, thửa đất mua chung bà Nguyễn Thị K vợ ông Nguyễn Văn P đã gạt nợ cho bà Nguyễn Thị N vợ ông L vào năm 1997 là không có cơ sở.

Về ý kiến của Kiểm sát viên cho rằng; Cần đưa tất cả các con của ông L là đồng thừa kế của bà Ng (vợ ông L) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ L quan thấy rằng: Tại Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/3/1995 (Bl, 48) xác định, bên chuyển nhượng là vợ chồng ông Hoàng Khắc Q và bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Duy L và bà Nguyễn Thị K, chứ không có sự tham gia của bà Ng vợ ông L. Hơn nữa năm 2004 ông Nguyễn Duy L tự mình yêu cầu vợ chồng ông Q làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Duy L1 là con của ông L và tại lời khai ngày 02/5/2018 ông Nguyễn Duy L cũng khẳng định, Ông L cam Kt chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền và nghĩa vụ trong vụ kiện, vì trong giấy mua bán đất chỉ có ông L và bà K. Do đó cấp sơ thẩm không xác định và không đưa các con của ông L tham gia tố tụng với tư cách là người L quan là có cơ sở.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Duy L cũng xác định và thừa nhận: Ông L tự mình đã chuyển quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất cho anh Nguyễn Duy L1 là con trai ông L, việc chuyển nhượng là tự nguyện và đã được cấp có thẩm quyền công nhận. Và tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Duy L tiếp tục khẳng định các con ông L thống nhất giao toàn quyền cho ông L và ông L cam kết một mình chịu trách nhiệm trong vụ tranh chấp. Hơn nữa ông P và các đồng thừa K của bà K chỉ yêu cầu được trích chia ½ giá trị thửa đất. Do đó nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn P về việc yêu cầu ông Nguyễn Duy L phải trích chia ½ trị giá thửa đất là có cơ sở cần chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng; Buộc ông Nguyễn Duy L phải trích chia ½ trị giá thửa đất cho các đồng thừa K của bà Nguyễn Thị K vợ ông P theo trị giá đã xác định.

Diện tích thửa đất hiện tại chỉ được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh cấp quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Duy L1 53,30m^2. Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định trong số 53,30m^2 thì có 17,8m^2 đất vườn phải chuyển mục đích sử dụng và anh L1 phải nộp 40% thuế chuyển quyền sử dụng (Bl,64). Kết quả định giá lại diện tích thửa đất và căn cứ hồ sơ đất xác định trị giá diện tích thửa đất cụ thể như sau:

- 35,5m^2 x 13.000.000đ/m^2 x 100% = 461.500.000đ.

- 17,8m^2 x 13.000.000đ/m^2 x 60% = 138.840.000đ. Tổng cộng: 600.340.000 đồng. Chia cho ông P và các đồng thừa K của bà K ½ giá trị là 300.170.000 đồng.

Đối với diện tích đất theo giấy chuyển nhượng ngày 18/3/1995 còn lại 52,15m^2 là phần đất nằm trong quy hoạch mở đường chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Công văn số 1837/UBND-TNMT ngày 11/4/2018 của UBND thành phố V về việc phúc đáp Công văn số 57/2018 ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xác định, diện tích 52,15m^2 thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 22 của ông Nguyễn Duy L1 nằm trong quy hoạch đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận với loại đất nông nghiệp (đất vườn). Tuy nhiên hiện diện tích đất này chưa được xem xét cấp bổ sung, do đó các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị K có quyền khởi kiện yêu cầu chia giá trị đối với diện tích đất này khi đủ điều kiện.

Về án phí: Ông L là người cao tuổi (Trên 80 tuổi), nên được miễn án phí. Hoàn trả cho ông P số tiền tạm ứng án phí.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn P là người yêu cầu tự nguyện chịu toàn bộ, đã thực hiện xong, nên Hội đồng không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 255, 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn P. Sửa bản án sơ thẩm. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P: Buộc ông Nguyễn Duy L phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn P và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị K trị giá ½ diện tích 53,30m^2 đất mua chung số tiền là 300.170.000 đồng *(Ba trăm triệu, một trăm bảy mươi ngàn đồng)*.

2. Dành quyền khởi kiện yêu cầu chia trị giá diện tích 52,15m^2 thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 22 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng) cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị K khi đủ điều kiện.

3. Về án phí:

3.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Duy L.

3.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng tiềm tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0001379 ngày 27/4/2011 và Biên lai thu số 0004908 ngày 19/6/2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố V, NA;
- Chi Cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Phấn